

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 394/2018/HSPT
Ngày 29-11-2018.

**NHÂN DA1H
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Duy Tuấn.

2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 367/2018/HSPT ngày 12/11/2018 đối với các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án số 24/2018/HSST ngày 03/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Trọng T**, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Xã Ea K, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971 và con bà Nguyễn Thị P (Đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2018, cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người bị hại:

1. Ông Phạm Bá T4 ; nơi cư trú: Xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
2. Ông Trần Đình N; nơi cư trú: Xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
3. Bà Trần Thị H1; nơi cư trú: Xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Thành T5; nơi cư trú: Xã Ea K, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
5. Ông Trần Phi D; nơi cư trú: Xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
6. Bà Đào Huyền T6; nơi cư trú: Xã Ea B, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
7. Ông Cao Chí T7; nơi cư trú: Phường Tân T8, TP. B1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
8. Ông PhA1 Xuân Đ; nơi cư trú: Phường Ea T9, TP. B1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
9. Ông Trần Quốc P1; nơi cư trú: Xã Ea K, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
10. Ông Hoàng Tuấn V; nơi cư trú: Xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
11. Ông Hồ Minh H2; nơi cư trú: Xã Ea K, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
12. Bà Trương Thị Vĩnh T10; nơi cư trú: Buôn Ea M, xã Ea B, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
13. Ông Lê Quốc T11; nơi cư trú: Buôn Ea M, xã Ea B, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
14. Ông Nguyễn Sỹ H3; nơi cư trú: Xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
15. Ông Y N1 Byă; nơi cư trú: Buôn E, xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau;

Khoảng 01 giờ sáng ngày 06/01/2018, Nguyễn Viết K2 đi bộ từ nhà tại xã Ea T3, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk đến xã Ea T3 xem có tài sản gì của ai để sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến đoạn đường nhựa cách Quốc lộ 27 khoảng 300m, K2 phát hiện chiếc xe ô tô tải có cần cầu, màu trắng, hiệu Hyundai, biển số 47C-005.97 của ông Phạm Bá T4 đang đậu bên lề đường. Do xe không khóa chốt cửa nên K2

trèo lên ca bin nhìn vào bên trong thấy có 01 cái cửa lóc, 02 sợi dây xích (mỗi sợi dài 06 mét bằng kim loại) và 02 vật tăng xích ở trên sàn ca bin. K2 mở cửa xe lấy tất cả những tài sản này mang cất giấu tại rẫy cà phê gần đó rồi về nhà ngủ. Khoảng 07 giờ cùng ngày, K2 lấy cửa lóc rồi đi nhờ xe người đi đường mang lên quán Internet “Net 55” trên đường Lê D1, phường Ea T9, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk rồi nhờ Nguyễn Xuân Đ chở máy cửa lóc đi bán thì được Đ đồng ý.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ mượn xe mô tô biển số 47B2-178.67 (nhãn hiệu Violet, màu xA1h) của bà Nguyễn Thị A đi xuống quán “Net 55” gặp K2. Tại đây Đ hỏi nguồn gốc cái cửa, K2 nói lấy trộm ở dưới huyện Cư K1, nhưng giờ mang bán cho người quen của K2 nên H4 nói là cửa của Đ, bán xong K2 sẽ cho Đ 150.000 đồng. Trao đổi xong Đ chở K2 đi đến nhà em rể của K2 là ông Bùi Cao Minh C, Đ nói với C: “Nhà em làm gỗ mà nay không làm nữa. Anh có mua cái cửa này về dùng không? Giá cả hợp lý thì em bán cho”. C ra giá 1.500.000 đồng thì Đ đồng ý bán. C lấy tiền đưa cho Đ, xong K2 và Đ đi lên lại thành phố B1, K2 đưa cho Đ 150.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cư Kuin, kết luận: 01 chiếc cửa lóc xích, loại cầm tay, nhãn hiệu Stihl MS 381, màu cam - đen - trắng tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 06/01/2018 có trị giá là **7.216.000** đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cư K1, kết luận 02 sợi dây xích (mỗi sợi dài 06 mét bằng kim loại) và 02 vật tăng xích có trị giá **1.080.000** đồng.

Ngoài hành vi phạm tội trên, Nguyễn Viết K2 còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017 K2 cùng với các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn ThA1h H4, Nguyễn Văn T1 đã thực hiện 16 vụ trộm cắp tài sản tại các xã Ea T3, Ea K, Ea B và Dray B1, huyện Cư K1, tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

Vụ thứ 01: Khoảng 18 giờ một ngày tháng 4/2017 (không nhớ ngày), K2 lấy trộm 01 máy bơm nước (loại bơm chìm, một pha, công suất 1kw, hình trụ, bề mặt nhẵn, màu trắng đen) của ông Trần Đình N rồi mang đến tiệm điện cơ ở thành phố B1 (không xác định được địa chỉ) bán với giá 600.000 đồng.

Vụ thứ 02: Khoảng 00 giờ một ngày tháng 6/2017 (không nhớ ngày), K2 mượn xe mô tô biển số 47H8-6614 (nhãn hiệu Conifer, màu nâu) của bị cáo Nguyễn Văn T1 đi đến địa bàn xã Ea T3 lấy trộm 02 bình ắc quy (nhãn hiệu Đồng Nai, loại 12v, 100Ah, màu trắng đen) trên xe ô tô biển số 47C-005.97 của ông Phạm Bá T4 rồi mang đến tiệm “Lê L1” ở đường Đinh Tiên H3, phường Tự A1, thành phố B1 bán với giá 800.000 đồng.

Vụ thứ 03: Cũng trong tháng 6/2017 (không nhớ ngày), K2 rủ Nguyễn Văn T1 đi trộm cắp bình ắc quy thì T1 đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô biển số 47H8-6614 (mượn của bố dượng là ông Hoàng Ngọc Q) chở K2 đi đến nhà bà Trần Thị H1 lấy trộm 02 bình ắc quy (không rõ nhãn hiệu, loại 12v, 100Ah, màu đen- trắng)

của xe ô tô biển số 47C-068.02 rồi tiếp tục đem đến tiệm “Lê L1” bán được 800.000 đồng. K2 chia cho T1 400.000 đồng.

Vụ thứ 04: Khoảng 00 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Văn T1 chở K2 bằng xe mô tô biển số 47H8-6614 đi tới trước ga-ra Thành T5, thuộc xã Ea K, huyện Cư K1 lấy trộm 01 bình ắc quy (nhãn hiệu Đồng Nai N100, loại 12v, 100Ah, màu trắng đen) trên xe ô tô biển số 48L-0142 của ông Nguyễn Thành T5 rồi cũng đem đến tiệm “Lê L1” bán được 500.000 đồng.

Vụ thứ 05: Vào khoảng 13 giờ một ngày tháng 7/2017 (không nhớ ngày), K2 lấy trộm 01 máy bơm nước (loại bơm chìm, một pha, công suất 1kw, hình trụ, có rãnh dọc thân, màu xA1h) của ông Trần Đình N rồi mang lên thành phố B1 bán cho một tiệm điện cơ (không rõ địa chỉ) được 250.000 đồng.

Vụ thứ 06: Khoảng 00 giờ một ngày tháng 9/2017 (không nhớ ngày), K2 rủ Nguyễn Trọng T đi trộm cắp bình ắc quy thì T đồng ý. T mượn xe mô tô biển số 47AB-818.61 (nhãn hiệu LifA1, màu xanh trắng) của Nguyễn Hữu T1, (là xe của bà Trần Thị T, mẹ T1) chở K2 đi đến quán com 78 thuộc xã Ea T3 lấy trộm 02 bình ắc quy (nhãn hiệu Đồng Nai, loại 12v, 75Ah) trên xe ô tô biển số 54T-3426 (nhãn hiệu Huyndai, loại MighTy II, màu xanh) của ông Trần Phi D rồi cũng tiếp tục mang đến tiệm “Lê L1” bán được 800.000 đồng, K2 chia cho T 400.000 đồng.

Vụ thứ 07: Cũng trong tháng 9/2017 (không nhớ ngày), K2 và Nguyễn Trọng T tiếp tục đi xe mô tô biển số 47AB-818.61 đến quán cà phê thuộc xã Ea T3 lấy trộm 02 bình ắc quy (nhãn hiệu Đồng Nai, loại 12v, 85Ah) trên xe ô tô biển số 47C-156.65 (nhãn hiệu Forland, loại Thaco FD9000, màu xanh) của bà Đào Huyền T6 rồi mang đến tiệm “Lê L1” bán được 800.000 đồng, K2 chia cho T 400.000 đồng.

Vụ thứ 08: Khoảng 01 giờ một ngày tháng 9/2017 (không nhớ ngày) Khánh lấy trộm một máy bơm nước (loại bơm chìm, màu xanh đen, công suất 1,5kw) của ông Cao Chí T7 rồi bán cho một tiệm điện cơ tại thành phố B1, (không rõ địa chỉ) được 350.000 đồng.

Vụ thứ 09: Khoảng 00 giờ tháng 9/2017 (không nhớ ngày) Nguyễn Trọng T mượn xe mô tô biển số 47AB-818.61 của Nguyễn Hữu T1 chở K2 đến thôn 08, xã Ea K, huyện Cư K1 lấy trộm 02 bình ắc quy (nhãn hiệu GS, 12v, 70Ah, màu trắng) trên xe ô tô biển số 47C-084.08 (nhãn hiệu Isuzu, NPR66P, loại xe tải thùng, màu bạc) của ông Phan Xuân Đ rồi cũng mang đến tiệm “Lê L1” bán được 900.000 đồng, K2 chia cho T 450.000 đồng.

Vụ thứ 10: Khoảng 00 giờ ngày 15/9/2017, Nguyễn Trọng T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 47AB-818.61 chở K2 đi đến khu vực cầu Ea T3 thuộc xã Ea K, huyện Cư K1 lấy trộm được 01 bình ắc quy (nhãn hiệu GS, 12v, 100Ah, màu xanh trắng) trên xe ô tô biển số 47C-030.72 (nhãn hiệu Kia, loại Frontier, loại xe thùng, màu trắng) của ông Trần Quốc P1 và cũng mang đến tiệm “Lê L1” bán được 500.000 đồng, K2 chia cho T 250.000 đồng.

Vụ thứ 11: Khoảng 00 giờ ngày 20/9/2017, Nguyễn Trọng T lại điều khiển xe mô tô biển số 47AB-818.61 chở K2 đi đến tiệm cắt tóc Hương G tại xã Ea T3,

huyện Cư K1 lấy trộm 01 máy xịt rửa loại Hydro Hy 29, màu đỏ và 01 mô tơ (loại một pha, công suất 1.5kw) của ông Hoàng Tuấn V rồi mang đến một tiệm điện cơ không rõ địa chỉ ở thành phố B1 bán được 700.000 đồng, K2 chia cho T 350.000 đồng.

Vụ thứ 12: Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 08/10/2017, Nguyễn Trọng T cũng điều khiển xe mô tô biển số 47AB-818.61 chở K2 đi đến khu vực ngã ba Ea S thuộc xã Ea K lấy trộm 02 bình ắc quy không rõ nhãn hiệu, loại 12v gắn trên xe ô tô biển số 47C-096.61 (nhãn hiệu Thaco, loại xe tải tự đổ, màu xA1h) của ông Hồ Minh H2 rồi mang đến tiệm “Lê L1” bán được 800.000 đồng, K2 chia cho T 400.000 đồng.

Vụ thứ 13: Khoảng 00 giờ ngày 10/10/2017, Nguyễn Trọng T điều khiển xe mô tô biển số 47AB-818.61 chở K2 đi đến gần khu vực ngã ba Cây G1 thuộc buôn Ea M, xã Ea B, huyện Cư K1, K2 lấy trộm 01 bình ắc quy (nhãn hiệu Đồng Nai – N100, loại 12v, 85Ah, màu trắng) gắn trên xe ô tô biển số 47C-129.10 (nhãn hiệu Kia, loại xe thùng, màu xanh) của bà Trương Thị Vĩnh T10 rồi mang đến tiệm “Lê L1” bán được 500.000 đồng, K2 chia cho T 250.000 đồng.

Vụ thứ 14: Khoảng 00 giờ ngày 06/12/2017, Nguyễn Thanh H4 điều khiển xe mô tô biển số 47H8-6614 chở K2 đi đến tiệm tạp hóa “Hoàng L1” tại buôn Ea M, xã Ea B, huyện Cư K1 lấy trộm 01 bình ắc quy (nhãn hiệu Enimac N100) gắn trên xe ô tô biển số 47C-103.53 (nhãn hiệu Thaco, loại xe tải có mui, màu xanh) của ông Lê Quốc T11 rồi mang đến tiệm “Lê L1” bán được 500.000 đồng. K2 chia cho H4 200.000 đồng.

Vụ thứ 15: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/12/2017, Nguyễn Thanh H4 tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 47H8-6614 chở K2 đến xã Ea T3, huyện Cư K1, K2 lấy trộm 01 xe mô tô biển số 47F3-8365 (nhãn hiệu Angel 80, màu tím) của ông Nguyễn Sỹ H3 và đưa xe lên thành phố B1 bán cho một người nam giới không rõ nhân thân, lý lịch được 1.300.000 đồng. K2 chia cho H4 200.000 đồng.

Vụ thứ 16: Khoảng 09 giờ ngày 30/12/2017, K2 đi bộ đến xã Ea T3, huyện Cư K1 thì phát hiện 01 xe mô tô biển số 47F9-7159 (hiệu Romantic, màu xanh) của ông Y N1 Byă thì trộm cắp rồi đem bán cho một người không rõ nhân thân, lý lịch tại thành phố B1 được 1.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp mà có các bị cáo đều đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 15/3/2018; số 33/KL-HĐĐG ngày 04/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cư K1, xác định:

- 01 máy bơm nước (loại chìm, một pha, công suất 1kw, hình trụ, bề mặt nhẵn, màu trắng đen) có giá trị là 933.300 đồng.
- 02 bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, loại 12v, 100Ah màu trắng đen của xe ô tô biển số 47C-005.97 có giá trị là 4.133.400 đồng.

- 02 bình ắc quy không rõ nhãn hiệu, loại 12v, N100 của xe ô tô biển số 47C-068.02 có giá trị là 4.133.400 đồng.

- 01 bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, loại 12v, 100Ah, màu trắng đen của xe ô tô biển số 48L-0142 có giá trị là 2.066.700 đồng. Giá trị thiệt hại của 01 bộ dây nguồn bình ắc quy của xe ô tô biển số 48L-0142, gồm 02 sợi dây điện bị cắt trộm phần đầu dây dài 10 cm, đường kính dây điện 01 cm, dây điện vỏ nhựa, lõi đồng kèm theo 02 cọc kẹp bình ắc quy là 35.660 đồng.

- 01 máy bơm nước (*loại chìm, một pha, công suất 1kw, hình trụ, có rãnh dọc thân, màu xanh*) có giá trị là 933.300 đồng.

- 02 bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, loại 12v, 75Ah của xe ô tô biển số 54T-3426 có giá trị là 3.200.000 đồng.

- 02 bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, loại 12v, 85Ah của xe ô tô biển số 47C-156.65 có giá trị là 4.000.000 đồng.

- 02 bình ắc quy, nhãn hiệu GS, loại 12v, 70Ah, màu trắng của xe ô tô biển số 47C-084.08 có giá trị là 4.433.400 đồng. Giá trị thiệt hại của 01 bộ dây nguồn điện nối bình ắc quy của xe ô tô biển số 47C-084.08, gồm: 01 sợi dây điện nối giữa hai bình ắc quy bị chiếm đoạt, 02 sợi dây điện bị cắt trộm 10cm ở phần đầu dây, 03 dây đều vỏ nhựa, lõi đồng, đường kính dây điện là 01cm, kèm theo 04 cọc kẹp bình ắc quy là 63.490 đồng.

- 01 bình ắc quy, nhãn hiệu GS, 12v, N100, 70Ah, màu trắng xanh của xe ô tô biển số 47C-030.72 có giá trị là 2.216.700 đồng.

- 01 bộ máy xịt rửa xe, gồm: 01 máy xịt rửa loại Hydro Hy 29, màu đỏ và 01 mô tơ, loại 1 pha, công suất 1.5 kw có giá trị là 2.340.000 đồng. Giá trị thiệt hại của 01 ống nước nhựa dùng để hút nước của máy xịt rửa, đường kính 3,5 cm bị cắt trộm đoạn dài 10cm; 01 ống nước nhựa dùng để điều hòa áp lực của máy xịt rửa, đường kính 2,5cm bị cắt trộm đoạn 10cm; 01 ống nước nhựa dùng để xịt nước của máy xịt rửa, đường kính 1,5cm bị cắt trộm 10cm là 3.400 đồng.

- 02 bình ắc quy không rõ nhãn hiệu, loại 12v của xe ô tô biển số 47C-096.61 có giá trị là 4.133.400 đồng. Giá trị thiệt hại của 01 bộ dây nguồn ắc quy của xe ô tô biển số 47C-096.61, gồm: 01 sợi dây điện nối giữa hai bình ắc quy bị chiếm đoạt, 02 sợi dây điện bị cắt trộm 10cm ở phần đầu dây, 03 dây đều vỏ nhựa, lõi đồng, đường kính dây điện là 01cm, kèm theo 04 cọc kẹp bình ắc quy là 63.490 đồng.

- 01 bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, N100, loại 12v, 85Ah của xe ô tô biển số 47C-129.10 có giá trị là 2.000.000 đồng.

- 01 bình ắc quy, nhãn hiệu Enimac, N100 của xe ô tô biển số 47C-103.53 có giá trị là 2.200.000 đồng.

- Thiệt hại của hàng rào lưới thép B40 cao 1,4 m, bị cắt 02 sợi thép ở giữa, sợi dây thép bị cắt thành nhiều đoạn có giá trị là 50.000đồng.

- 02 sợi dây xích, bằng kim loại, mỗi sợi dài 06 mét, đường kính 0,9cm, màu xám kèm 02 vật tăng xích, bằng kim loại, màu đỏ có giá trị là 1.080.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 03/10/2018, của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

Căn cứ Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Viết K2**, **Nguyễn Trọng T**, **Nguyễn Văn T1**, **Nguyễn Thanh H4 (T12)** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo **Nguyễn Xuân Đ (T12)** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Viết K2** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/01/2018 đến ngày 10/6/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng T** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 15/6/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H4 (T12)** 01 (một) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt 05 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 144/2018/HS-PT ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày chấp hành án của bản án số 144/2018/HS-PT ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân Đ (T12)** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Xuân Định** cho Ủy ban nhân dân phường Tân T8, thành phố B1, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục

bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10/10/2018 và 12/10/2018, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Trọng T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Trọng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Trọng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 138 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm 09 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo T là phù hợp tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo T; mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo T1 là có phần nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T1. Xử phạt bị cáo T1 01 năm tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 9/2017 đến tháng 12/2017, Nguyễn Trọng T cùng với Nguyễn Viết K2 đã có hành vi lén lút thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản có tổng giá trị 22.326.500đ; trong tháng 6/2017, Nguyễn Văn T1 cùng với Nguyễn Viết K2 đã có hành vi lén lút thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản có tổng giá trị 6.200.100đ. Các lần phạm tội của các bị cáo đều chiếm đoạt tài sản trên hai triệu đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo T theo điểm b khoản 2 Điều 138 và bị cáo

T1 theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 02 năm 09 tháng tù đối với bị cáo T mà bản án sơ thẩm tuyên phạt là thỏa đáng tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Bởi lẽ, bị cáo là người chuẩn bị phương tiện phạm tội còn là người thực hành rất tích cực. Bị cáo phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Trong một thời gian ngắn từ tháng 9/2017 đến tháng 12/2017, bị cáo tham gia 07 vụ trộm cắp tài sản, lấy việc trộm cắp tài sản làm nghề sinh sống cho thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Sau khi phạm tội bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Vì vậy, cần phải có một hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết ông ngoại của bị cáo (Nguyễn Duy M1) được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt 02 năm 09 tháng tù đối với bị cáo là thỏa đáng nên cần giữ nguyên.

[3] Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo T1 là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo T1 thực hiện 02 vụ trộm cắp chiếm đoạt tài sản có giá trị nhỏ 6.200.100 đồng. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T1 là người bị rủ rê thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo T. Chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm. Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 03/10/2018, của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng T 02** (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 15/6/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1 09** (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư K1;
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Lê Thị Thanh Huyền

